

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST  
Ngày 29-5-2026  
V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Thái

Ông Nguyễn Văn Hương

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trịnh Khắc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3- Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Bùi Quốc Huy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 33/2026/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở: Căn hộ A, M, A B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh; số căn cước công dân: 042194016131; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1999, là luật sư của Công ty L2; địa chỉ: Số I, phố T, phường Y, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Trường T, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: Số E C, phường H, thành phố Hải Phòng; số căn cước công dân: 031090008686; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07 tháng 01 năm 2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị L** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị L1** và anh **Hà Trường T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã **K**, huyện **K** (nay là xã **K**), tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại **số E C, phường H, thành phố Hải Phòng**. Quá trình chung sống đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự đồng cảm với nhau, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ đầu năm 2022 đến nay, chị **L1** vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, hỏi han đến cuộc sống của nhau. Chị **L1** chỉ biết nơi đăng ký thường trú của anh **T** tại **số E C, phường H, thành phố Hải Phòng**. Anh **T** hiện đang sinh sống ở đâu chị **L1** không biết. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **L1** yêu cầu ly hôn anh **T**.

Về con chung: Chị **L1** và anh **T** không có con chung.

Về tài sản chung: Chị **L1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh **Hà Trường T**: Theo cung cấp của Công an phường **H** thì anh **T** không còn sinh sống tại nơi đăng ký thường trú (**số E C, phường H, thành phố Hải Phòng**) từ lâu, hiện nay anh **T** ở đâu, làm gì, địa phương không biết. Theo lời khai của bà **Vũ Thị X** (mẹ của anh **T**): Sau khi gia đình bán nhà tại **số E C, phường H, thành phố Hải Phòng** vào tháng 10/2023 thì anh **T** đi nơi khác ở, không cho gia đình biết địa chỉ. Từ đó đến nay gia đình không biết anh **T** ở đâu. Anh **T** thỉnh thoảng về thăm nhà và liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà **X** có thông báo cho anh **T** biết việc Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng đang giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị **L1** với anh **T**. Anh **T** có nói chị **L1** đơn phương ly hôn là chuyện của chị **L1**, anh **T** không ý kiến. Bà **X** đồng ý nhận thay và có trách nhiệm thông báo, giao lại cho anh **T** các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã niêm yết và gửi cho bà **X** thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm xét xử vụ án: Đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, trên **B** trong 3 số liên tiếp, phát sóng trên **Đ** 03 lần trong 03 ngày liên tiếp. Nhưng anh **T** không có mặt và cũng không có văn bản trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **L1**.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, cụ thể vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án triệu tập, không lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng nhận định:

#### **- Về tố tụng**

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn; bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại phường H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L1 và anh Hà Trường T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị L1 phù hợp với lời khai của những người làm chứng thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng chị L1, anh T phát sinh do bất đồng quan điểm và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hai bên không còn liên lạc, quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Xét hôn nhân của chị L1 và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L1.

[4] Về con chung: Chị L1 trình bày vợ chồng không có con chung, anh T không có ý kiến, nên không xét.

[5] Về tài sản: Chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến, nên không xét.

[6] Về án phí: Chị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hà Trường T.

2. Về con chung và tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001338 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3- Hải Phòng;
- Phòng THA DS khu vực 3- Hải Phòng;
- UBND xã Kỳ Khang, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**

